TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/DS-PT
Ngày: 26/01/2024
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phí Thành Chung.
Các Thẩm phán:Ông Trương Chí Anh
Ông Chu Tuấn Anh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bách Thiện Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 591/2023/TLPT-DS ngày 05/12/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DSST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2024/QĐXX – PT ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội; Quyết định Hoãn phiên tòa số 26/QĐ-PT ngày 19/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q.** Địa chỉ: Tầng A và 2 tòa nhà S, số A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc. *Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn:* Ông Hà Hoàng H - Giám đốc Trung tâm Q1 - Khối ngân hàng bán lẻ - V2. Người được ủy quyền: 1) Bà Dương Thị S – Cán bộ Ngân hàng; 2) Bà Hoàng Thị Hồng V1 – Cán bộ Ngân hàng (Theo Văn bản ủy quyền số 172402.23 ngày 26/10/2023 của Ngân hàng TMCP Q). (Bà S có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Vũ Văn P, sinh năm 1965

2.2. Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1),sinh năm 1968

Cùng HKTT và chỗ ở: Số B ngõ D T, phường L, quận H, Hà Nội. (Ông P, bà L1 vắng mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Vũ Thu T, sinh năm 1997;

3.2. Chị Vũ Minh N, sinh năm 2005.

Cùng HKTT: Số B ngõ D T, phường L, quận H, Hà Nội. (Chị T, chị N vắng mặt).

4. **Người kháng cáo:** Ngân hàng TMCP Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm:

- Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai và các lời khai tại Tòa án cùng các văn bản tố tụng khác, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (V2) trình bày:

Ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) có ký hợp đồng và vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là V2) – Chi nhánh B2 với tổng số tiền 1.200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 006CN015/HĐTD/2013 ngày 27/02/2013, cụ thể:

+ Khoản vay (số tiền): 1.200.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ, hai trăm triệu đồng). Thời hạn của khoản vay: 120 tháng.

+ Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn mua bất động sản tại tổ A, phường T, quận T, thành phố Hà Nội (thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 5G - I - 01).

+ Lãi suất, tiền lãi: Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của Ngân hàng TMCP Q (V2) từng thời kỳ, phù hợp với quy định của Ngân hàng N2 và pháp luật. Lãi suất cho vay thả nổi, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ. Lãi suất điều chỉnh sẽ bằng lãi suất cho vay của sản phẩm Bất động sản do Ngân hàng TMCP Q (V2) công bố tại thời điểm điều chỉnh.

+ Thanh toán: Phương thức hoàn trả khoản tín dụng gốc: hàng tháng. Phương thức trả lãi: hàng tháng.

- Hợp đồng thế chấp: Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 16.1, tờ bản đồ số: 46, địa chỉ: phường L, quận H, thành phố Hà Nội, diện tích: 81,9 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 762597, số vào sổ cấp GCN: Q02640.3495.QĐ - UB do Uỷ ban nhân dân (UBND) quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2006 cho ông Vũ Văn P. Tài sản này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Q (V2) theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 04067.12, Quyển số: 11 TP/CC - SCC/ HĐGD do Văn phòng C, thành phố Hà Nội công chứng ngày 29/11/2012 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Thực hiện hợp đồng tín dụng số 006CN015/HDTD/2013 ngày 27/02/2013, Ngân hàng TMCP Q (V2) đã giải ngân số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) cho ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L theo khế ước nhận nợ số 006CN015/ KUNN/2013 ngày 27/02/2013, cụ thể như sau: Số tiền giải ngân: 1.200.000.000 đồng; Ngày giải ngân: 27/02/2013.

Mục đích giải ngân: Bổ sung vốn mua bất động sản tại tổ A phường T, quận T, Hà Nội (thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 5G-I-01). Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày 27/02/2013. Phương thức giải ngân: Tiền mặt. Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,9%/ năm trong 03 tháng đầu tiên, điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất từ tháng thứ 4 trở đi bằng lãi suất cho vay của sản phẩm bất động sản do Ngân hàng TMCP Q (V2) công bố tại thời điểm điều chỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật, ngân hàng N2 và chính sách của Ngân hàng TMCP Q (V2) tại từng thời kỳ. Số tiền/ngày hoàn trả: Hoàn trả khoản tín dụng gốc: hàng tháng vào ngày 25, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 25 theo dư nợ thực tế phát sinh. Ngày trả nợ gốc, lãi đầu tiên là ngày 25/3/2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Vũ Văn P và Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) đã trả cho Ngân hàng TMCP Q (V2) số tiền 360.399.435 đồng (trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 156.426.368 đồng, lãi quá hạn: 3.973.067 đồng). Kể từ ngày 25/4/2014, ông P và bà L1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với Ngân hàng TMCP Q (V2), vi phạm các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nên khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn.

Tính đến ngày 30/05/2023, ông Vũ Văn P và Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) còn nợ Ngân hàng TMCP Q (V2) số tiền là: 3.285.906.564 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Lãi trong hạn: 616.314.877 đồng (Sáu trăm mười sáu triệu, ba trăm mười bốn nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng), Lãi của gốc quá hạn: 898.163.265 (T1 trăm chín mươi tám triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm sáu mươi lăm) đồng, lãi của lãi trong hạn chậm trả là 771.428.422 (B trăm bảy mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai) đồng.

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP Q (V2) đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện cho ông Vũ Văn P và Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (V2) nhưng ông, bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP Q (V2).

Nay Ngân hàng TMCP Q (V2) đề nghị giải quyết những yêu cầu sau:

+ Buộc ông Vũ Văn P và Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) phải trả Ngân hàng TMCP Q (V2) số tiền tính đến ngày 30/05/2023 tổng cộng 3.285.906.564 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Lãi trong hạn: 616.314.877 đồng (Sáu trăm mười sáu triệu ba trăm mười bốn nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng), Lãi của gốc quá hạn: 898.163.265 (T1 trăm chín mươi tám triệu một trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi lăm) đồng, lãi của lãi trong hạn chậm trả là 771.428.422 (B trăm bảy mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai) đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và theo quy định của pháp luật cho đến ngày ông P và bà L1 thanh toán toàn bộ khoản vay.

+ Trường hợp ông Vũ Văn P và Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) không trả hết nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q (V2) được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 16.1, tờ bản đồ số: 46, địa chỉ: phường L, quận H, thành phố Hà Nội, diện tích: 81,9 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 762597, số vào sổ cấp GCN: Q02640.3495.QĐ - UB do UBND quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2006 cho ông Vũ Văn P để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Q (V2).

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị tòa án tuyên ông Vũ Văn P và Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

- Tại Bản tự khai, và các lời khai tại Tòa án, ông Vũ Văn P trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) và ông Vũ Văn P có ký hợp đồng và vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q (V2) – Chi nhánh B2 với tổng số tiền 1.200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 006CN015/HĐTD/2013 ngày 27/02/2013, cụ thể:

+ Khoản vay (số tiền): 1.200.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng). Thời hạn của khoản vay: 120 tháng.

+ Mục đích cấp tín dụng: bổ sung vốn mua bất động sản tại tổ A, phường T, quận T, thành phố Hà Nội (thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 5G - I - 01).

+ Lãi suất, tiền lãi: Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của V2 từng thời kỳ, phù hợp với quy định của Ngân hàng N2 và Pháp luật.

+ Lãi suất cho vay thả nổi, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ. Lãi suất điều chỉnh sẽ bằng lãi suất cho vay của sản phẩm Bất động sản do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh .

Thanh toán: Phương thức hoàn trả khoản tín dụng gốc: hàng tháng. Phương thức trả lãi: hàng tháng.

- Hợp đồng thế chấp: Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 16.1, tờ bản đồ số: 46, địa chỉ: phường L, quận H, thành phố Hà Nội, diện tích: 81,9 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 762597, số vào sổ cấp GCN: Q02640.3495.QĐ - UB do UBND quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2006 cho ông Vũ Văn P. Tài sản này được thế chấp tại V2 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 04067.12, Quyển số: 11 TP/CC - SCC/HĐGD do Văn phòng C, thành phố Hà Nội công chứng ngày 29/11/2012 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Vũ Văn P và bà B1 Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) đã trả cho Ngân hàng TMCP Q (V2) số tiền 360.399.435 đồng (trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 156.426.368 đồng, lãi quá hạn: 3.973.067 đồng). Kể từ ngày 25/4/2014, ông P và bà L1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với Ngân hàng TMCP Q (V2), vi phạm các

nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nên khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 26/10/2021, tổng cộng: 2.777.630.087 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi: 616.314.877 đồng, N1 lãi quá hạn: 1.161.315.210 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông P thanh toán số tiền: 2.777.630.087 đồng, trong đó:

- Nợ gốc	1.000.000.000	đồng
- Nợ lãi	616.314.877	đồng
- Nợ lãi quá hạn	1.161.315.210	đồng

Nay vì điều kiện gia đình ông đang rất khó khăn, không có khả năng thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng. Ông P đề nghị Ngân hàng cho ông P thanh toán toàn bộ nợ gốc là 1.000.000.000 đồng cho Ngân hàng trong vòng 02 năm kể từ ngày 26/10/2021; miễn toàn bộ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt.

- Bị đơn Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1): vắng mặt, không có lời trình bày trong quá trình tố tụng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thu T và Chị Vũ Minh N: Vắng mặt, không có lời trình bày trong quá trình tố tụng.

Tòa án đã ra thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu bà Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1), chị Vũ Thu T, chị Vũ Minh N cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh trong quá trình sinh sống ở số thửa đất số: 16.1,tờ bản đồ số: 46, địa chỉ: phường L, quận H, thành phố Hà Nội có đóng góp công sức trong việc xây dựng, sửa chữa nhà đất nhưng Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1), chị Vũ Thu T, chị Vũ Minh N không cung cấp cho Tòa án.

- Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 25/11/2020 và Biên bản định giá tài sản ngày 03/10/2022: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã phối hợp với Công ty TNHH T2 và đại diện Ủy ban nhân dân phường L, quận H, Hà Nội thì tại số B ngõ D T, phường L, quận H, Hà Nội có 02 thửa đất số: 16.1, tờ bản đồ số: 46, địa chỉ: phường L, quận H, thành phố Hà Nội diện tích: 81,9 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 762597, số vào sổ cấp GCN: Q02640.3495.QĐ - UB do UBND quận H,thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2006 cho ông Vũ Văn P và thửa đất 16, tờ bản đồ số: 46 diện tích: 96 m2 địa chỉ: phường L, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q02644.3495.QĐ - UB, số vào sổ cấp GCN: Q02640.3495.QĐ - UB do UBND quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2006 cho bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1). Trên hai thửa đất có 01 nhà 02 tầng và nhà 01 mái xây dựng kiên cố bê tông cốt thép, giá trị xây dựng của nhà hai tầng và nhà cấp 4 mái ngói là 741.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DSST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (V2), về việc yêu cầu ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) phải thanh toán các

khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 022CN 104/HDTD-VIB/2011 ngày 13/04/2011.

2. Buộc ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q (V2) khoản tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/05/2023 là: dư nợ gốc: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Lãi trong hạn: 616.314.877 đồng (Sáu trăm mười sáu triệu ba trăm mười bốn nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng), Lãi của gốc quá hạn: 898.163.265 (T1 trăm chín mươi tám triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi lăm) đồng. Tổng cả gốc và lãi trong hạn, quá hạn là: 2.514.478.142 đồng (Hai tỷ năm trăm mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn một trăm bốn mươi hai đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q (V2) về việc buộc ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) phải thanh toán lãi của lãi trong hạn chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/05/2023 là 771.428.422 đồng.

4. Trường hợp ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) không thanh toán được các khoản tiền phải trả, Ngân hàng TMCP Q (V2) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 16.1,tờ bản đồ số: 46, địa chỉ: phường L, quận H, thành phố Hà Nội, diện tích: 81,9 m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 762597, số vào sổ cấp GCN: Q02640.3495.QĐ - UB do UBND quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2006 cho ông Vũ Văn P để thu hồi khoản nợ.

5. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

6. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

7. Về án phí:

- Ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 82.289.563 đồng (Tám mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng).

- Ngân hàng TMCP Q (V2) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần lãi của lãi trong hạn chậm trả không được hội đồng xét xử chấp nhận là 34.857.137 đồng. Được trừ vào số tiền 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng) Ngân hàng TMCP Q (V2) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006067 ngày 15 tháng 10 năm 2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai. Ngân hàng TMCP Q (V2) được nhận lại số tiền là: 3.141.863 đồng.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ do chậm thi hành án, quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận thi hành án của các đương sự.

Không đồng ý với một phần bản án sơ thẩm. Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận một phần tiền lãi quá hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q trình bày: giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bị đơn phải thanh toán lãi chậm trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Vũ Văn P, bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: chị Vũ Thu T, Vũ Minh N vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến quan điểm với Hội đồng xét xử.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

- Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ và tiến hành đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn xét xử sơ thẩm.

- Về kháng cáo: Ngày 13/6/2023, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q, ngày 21/6/2023, Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng án phí và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, kháng cáo đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn là ông Vũ Văn P, bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: chị Vũ Thu T, chị Vũ Minh N được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập

hợp lệ 02 lần đến phiên tòa phúc thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, 228, 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

2.1. Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở để xác định nội dung vụ án như sau:

Ngân hàng TMCP Q và ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) có ký hợp đồng và vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q (V2) – Chi nhánh B2 với tổng số tiền 1.200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 006CN015/HĐTD/2013 ngày 27/02/2013.

Để đảm bảo hợp đồng tín dụng, các bên đương sự ký kết Hợp đồng thế chấp số công chứng: 04067.12, Quyển số: 11 TP/CC - SCC/HĐGD do Văn phòng C, thành phố Hà Nội công chứng ngày 29/11/2012. Tài sản thế chấp là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 16.1, tờ bản đồ số: 46, địa chỉ: phường L, quận H, thành phố Hà Nội, diện tích: 81,9 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 762597, số vào sổ cấp GCN: Q02640.3495.QĐ - UB do UBND quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2006 cho ông Vũ Văn P. Hợp đồng thế chấp đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và lãi của lãi trong hạn chậm trả. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị phát mại tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định.

2.2. Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với một phần Bản án sơ thẩm về số tiền lãi của lãi trong hạn chậm trả:

- Hợp đồng tín dụng số 006CN015/HĐTD/2013 ngày 27/02/2013, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q (V2) – Chi nhánh B2 ký kết với ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 122, 124, 471 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm a Khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực thi hành và phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với các bên tham gia.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,9%/năm trong 03 tháng đầu tiên, điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất từ tháng thứ 4 trở đi bằng lãi suất cho vay của sản phẩm bất động sản do Ngân hàng TMCP Q (V2) công bố tại thời điểm điều chỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật, ngân hàng N2 và chính sách của Ngân hàng TMCP Q (V2) tại từng thời kỳ. Số tiền/ngày hoàn trả: Hoàn trả khoản tín dụng gốc: hàng tháng vào ngày 25, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 25

theo dư nợ thực tế phát sinh. Ngày trả nợ gốc, lãi đầu tiên là ngày 25/3/2013. Thỏa thuận về lãi suất nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về thực hiện hợp đồng: Các bên đều xác nhận ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) vay số tiền 1.200.000.000 đồng; Thời hạn vay 120 tháng; Phương thức trả nợ: trả gốc và lãi hàng tháng vào ngày 01 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) đã trả cho Ngân hàng TMCP Q (V2) số tiền 360.399.435 đồng (trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 156.426.368 đồng, lãi quá hạn: 3.973.067 đồng.

Kể từ ngày 25/4/2014, ông P và bà L1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với Ngân hàng TMCP Q (V2), vi phạm các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nên khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Q (V2) khởi kiện yêu cầu ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) có nghĩa vụ trả nợ khoản tiền gốc vay + Lãi suất tiền vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q (V2) yêu cầu buộc ông P, bà L1 thanh toán số tiền lãi của lãi trong hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Hợp đồng tín dụng số 006CN015/HĐTD/2013 giữa Ngân hàng TMCP Q (V2) – Chi nhánh B2 ký kết với ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) được ký ngày 27/02/2013, do đó, áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

Theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *không quy định trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả.*

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (V2) buộc ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Ngọc L1) phải thanh toán lãi của lãi trong hạn chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/5/2023 là 771.428.422 đồng vì đây là phần lãi chồng lãi là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q đối với số tiền lãi của lãi không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, Điều 282 quy định về hậu quả của việc kháng cáo, kháng nghị thì những phần bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Ngân hàng TMCP Q phải chịu án phí

phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 147, 148, 227, 228, 282, 293, 296; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng năm 2015;

- Các Điều: 121, 122, 124, 471 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều: 116, 117, 463, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án án phí, lệ phí;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ngân hàng TMCP Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm Ngân hàng TMCP Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2022/0000108 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hoàng Mai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Quận Hoàng Mai;
- Lưu hồ sơ/Lưu VP.

Phí Thành Chung